TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:29/2025/DS-ST
Ngày: 19/9/2025
V/v: "*Tranh chấp tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17-LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2.Ông Hồ Văn S

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa:Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânkhu vực 17-Lâm Đồng tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19tháng 9 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 296/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 11năm 2022, về việc "*Tranh chấp tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42A/2025/QĐXX-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:*Ông Đặng Thanh S, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Số 29, đường Ngô Tất Tố, thôn Võ Xu 7, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Huỳnh Thị N, sinh năm:1958

2.2 Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm: 1987

2.3 Ông Đặng Thanh T, sinh năm: 1988

2.4 Bà Đặng Thị Kim H1, sinh năm: 1994

2.5 Ông Đặng Tấn V, sinh năm: 1996

2.6 Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm: 1998

Cùng nơi cư trú: Tổ 5, thôn Đức Tài 6, xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Thôn Đức Tài 9, xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đình T1, sinh năm: 1977

Chức vụ: Chủ tịchUBND xã Hoài Đức

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1:

Ông Nguyễn Minh N1 - Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế UBND xã Hoài Đức.

3.2 Bà Đặng Thị Thúy M, sinh năm: 1978

3.3 Bà Đặng Thị Thanh N2, sinh năm 1980

Cùng nơi cư trú: Số 29, đường Ngô Tất Tố, thôn Võ Xu 7, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đặng Thị Thúy M và Đặng Thị Thanh N2; tất cả bị đơn đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông Nguyễn Minh N1 có đơn đề N1 xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2022, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơnông Đặng Thanh S trình bày:

Cha ông là ông Đặng Tấn H2, sinh năm 1950 và mẹ ông là bà Mai Thị Y, sinh năm 1955 trước đây là vợ chồng, có với nhau 03 người con chung là Đặng Thị Thúy M, sinh năm 1978, Đặng Thị Thanh N2, sinh năm 1980 và Đặng Thanh S, sinh năm 1983. Năm 1985 cha mẹ ông thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01/QĐ-LH ngày 14/10/1985 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi ly hôn, ông cùng cha và bà nội là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1915, đến khu phố 6, thị trấn Đức Tài (nay là xã Hoài Đức, Lâm Đồng) được một người tên Kính (đã chết và ông không nhớ họ tên, năm sinh của người này) cho 01 thửa đất để cất nhà ở và sinh sống ổn định. Đến năm 1980, gia đình ông gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Đặng Tấn H2, Đặng Thanh S nhập khẩu tại khu phố 6, thị trấn Đức Tài, số hộ khẩu gia đình: 2192. Đến năm 1996, hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2cấp cho "Đặng Tấn H2".

Khoảng năm 1987, cha ông bắt đầuchung sống như vợ chồng với bà Huỳnh Thị N tại khu vực Suối kè, thuộc Thôn 3, xã Tân Hà, Đức Linh, Bình Thuận. Ông H2

và bà N không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ông H2 và bà N có 05 người con chung là: Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1987, Đặng Thanh T, sinh năm 1988, Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1994, Đặng Tấn V, sinh năm 1996và Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1998. Khoảng năm 1998-1999 ông H2 và bà N không sống chung với nhau nữa, bà N cùng 05 người con đến tỉnh Bình Phước sinh sống vàlập gia đình khác. Khoảng thời gian cha ông chung sống với bà N thì ông và bà nội vẫn tiếp tục sinh sống tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13.

Ngày 10/02/2005 ông Đặng Tấn H2chết. Năm 2012, ông nhập khẩu về ở chung với mẹ tại khu phố 7, thị trấn Võ Xu. Ngày 23/02/2014 bà Nguyễn Thị Đ chết. Sau khi ông H2 và bà Đ chết, ông là người quản lý và chăm lo việc thờ phụng tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13. Khoảng năm 2019, bà N cùng bà H, ông T, bà H1, ông V, bà T về tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13 xin ở nhờ cũng như lo việc làm đám giỗ cho cha ông và bà nội thì ông đồng ý.

Tuy nhiên, sau đó mẹ con bà N đã tự ý lập Văn bản phân chia di sản thừa kế tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài (được Chủ tich UBND chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD) đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13 sang cho bà Đặng Thị Kim H1 và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh cập nhật biến động tại T1 tư cho bà Đặng Thị Kim H1 vào ngày 07/01/2020. Hiện nay bà Đặng Thị Kim H1 đang giữ GCNQSDĐ bản chính, bà cũng chưa chuyển nhượng cho ai hoặc chưa thế chấp gì đối với tài sản này.

Tại thời điểm lập Văn bản phân chia di sản thừa kế về việc phân chia di sản của ông Đặng Tấn H2 để lại là thửa đất số 333, tờ bản đồ 13, diện tích 1030 m^2 đã bỏ sót người thừa kế theo pháp luật là ông (Đặng Thanh S), hai chị của ông (Đặng Thị Thúy M, Đặng Thị Thanh N2) và bà nội ông (Nguyễn Thị Đ). Ngoài ra, thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13 là tài sản chung của hộ gia đình gồm 03 thành viên là Nguyễn Thị Đ, Đặng Tấn H2 và Đặng Thanh S. Trong khoảng thời gian ông H2 và bà N chung sống với nhau thì hai ngườichỉ ở tại thôn 3, xã Tân Hà, Đức Linh Bình Thuận, nội dung tại Văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên cho rằng thửa đất là tài sản do ông Đặng Tấn H2 và bà Huỳnh Thị N tạo lập là hoàn toàn sai sự thật.

Vì những lý do trên, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế (được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD)là vô hiệu và hủy cập nhật biến động tại T1 4 của GCNQSDĐ đối vớibà Đặng Thị Kim H1, để ông cùng các thành viên trong gia đình phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế lại.

- Bị đơn trình bày:

Tại đơn trình bày đề ngày 19/11/2022, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Trước khi chung sống như vợ chồng với ông Đặng Tấn H2, bà và ông H2 đã có gia đình và con riêng. Bà có 02 con riêng và ông H2 có 03 con riêng là Đặng Thị Thúy M, sinh năm 1978; Đặng Thị Thanh N2,sinh năm 1980 và Đặng Thanh S, sinh năm 1983. Con chung của bà và ông H2 là: Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1987; Đặng Thanh T, sinh năm 1988; Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1994;Đặng Tấn V, sinh năm 1996và Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1998. Quá trình sống chung với ông H2, bà có đón bà Đ về chung sống với bà và ông H2, sau đó vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà phải đi lao động xa và để các con ở lại với ông H2, đến năm 2011 bà mới về lại địa pH (TT.Đức Tài) để làm sổ hộ khẩu gia đình.

Trong quá trình chung sống như vợ chồng, bà và ông H2có mua của ông Nguyễn Mười (là con của bà Kính) 01 thửa đất, sau này bà là người đi đăng ký cấp GCNQSDĐ và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 cấp cho "Đặng Tấn H2". Năm 2005 ông H2chết, bà vẫn nuôi dưỡng mẹ chồng (bà Đ) nhưng sau đó thấy hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà Đặng Thị Hơn là mẹ ruột ông H2 đã đón bà Đ về nuôi dưỡng. Năm 2019 gia đình bà đã làm thủ tục phân chia di sản thừa kế, vì không am hiểu pháp luật nên thời điểm lập Văn bản phân chia di sản thừa kế bà không thông báo cho những người con riêng của ông H2 biết. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế (được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD) là vô hiệu, để gia đình bà và các con riêng của ông H2 thỏa thuận phân chia lại.

Theo các bản tự khai ngày đều lập ngày 20/12/2022 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các bị đơn bà Đặng Thị Thanh H, ông Đặng Thanh T, ông Đặng Tấn V, bà Đặng Thị Thanh T trình bày: Đặng Thị Thanh H, ông Đặng Thanh T, ông Đặng Tấn V, bà Đặng Thị Thanh T là con chung của ông Đặng Tấn H2 và bà Huỳnh Thị N. Về nguồn gốc của thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 thì bà H, ông T, ông V, bà T không rõ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H, ông T, ông V, bà T đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế (được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD) là vô hiệu và hủy cập nhật biến động tại T1 4 của GCNQSDĐ, để các chị em trong gia đình và các chị em con riêng cùng thỏa thuận phân chia lại.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

*Tại bản khai ngày 28/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanỦy ban nhân dân thị trấn Đức Tài (nay là UBND xã Hoài Đức)trình bày:*Vào ngày 28/11/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu phân chia di sản thừa kế của gia đình bà Huỳnh Thị N đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 mang tên Đặng Tấn H2. Trước khi thực hiện việc lập Văn bản phân chia di sản thừa kế, cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã giải thích cho gia đình bà N về những người có quyền thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của người chết để lại và hậu quả pháp lý nếu để sót người thừa kế nhưng gia đình bà N cam kết không còn ai khác. Việc Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế nhưng bỏ sót người thừa kế là sự sai sót do không xác minh nguồn gốc đất. Nay Ủy ban nhân dân TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Hoài Đức)thống nhất yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế (được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD) là vô hiệu.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2022, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thanh N2 trình bày: Bà là con ruột của ông Đặng Tấn H2 (đã chết năm 2005) và bà Mai Thị Ý, sinh năm 1955. Cha mẹ bà có 03 người con chung là Đặng Thị Thúy M, Đặng Thị Thanh N2 và Đặng Thanh S. Năm 1985 cha mẹ bà ly hôn. Cha bà cùng em Đặng Thanh S và bà nội đến khu phố 6, thị trấn Đức Tài được 01 người tên Kính cho đất cất nhà ở ổn định và nhập khẩu tại đây. Đến ngày 24/12/1996, cha bà(ông H2) được Ủy ban nhân dânhuyện Đức Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2cấp cho "Đặng Tấn H2".

Sau khi ly hôn thì đến khoảng năm 1987, cha bà sinh sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với bà Huỳnh Thị N tại thôn 3, xã Tân Hà, Đức Linh, Bình Thuận. Ông H2 và bà N có 05 người con chung: Đặng Thị Thanh H; ông Đặng Thanh T;bà Đặng Thị Thanh H1;ông Đặng Tấn V; bà Đặng Thị Thanh T. Đến năm 1996 bà N bỏ đi. Năm 2005 cha bà chết. Bà N và các em cùng cha khác mẹ của bà quay về xin thờ phụng và ở nhờ trên thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13. Nhưng sau đó, bà N cùng các con của bà đã tự ý làm thủ tục phân chia di sản thừa kế là thửa đất nêu trên mà không thông báo cho bà và ông S, bà M làm ảnh hưởng đến quyền thừa kế hợp pháp của bà. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc tuyên bố:"Văn bản phân chia di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD" là vô hiệu và hủy cập nhật biến động tại T1 4 của GCNQSDĐ đối với bà H1.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2022, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thúy M trình bày: Bà thống nhất về họ tên, năm sinh, năm mất, con chung, con riêng và tài sản thừa kế của cha bà là ông Đặng Tấn H2 như phần trình bày của bà N2. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc tuyên bố "Văn bản phân chia di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD" là vô hiệu và hủy cập nhật biến động tại T1 4 của GCNQSDĐ đối với bà H1. Sau khi hủy xong thì các chị em trong gia đình hai bên sẽ tự phân chia lại.

Về phía bị đơn Đặng Thị Kim H1: Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1 không chấp hành nên Tòa án không thể lấy lời khai, cũng như tiến hành hòa giải được.

Tài liệu Tòa án minh thu thập tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu Vực Đức Linh, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 cấp cho "Đặng Tấn H2", đã cập nhật biến động tại T1 4 vào ngày 07/01/2020 của GCNQSDĐ mang tên Đặng Thị Kim H1: Hiện tại đối với tài sản này thì bà H1 chưa chuyển nhượng cho ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanchấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của ông Đặng Thanh S ngày 07/08/2022 thì quan hệ tranh chấp phát sinh giữa ông Đặng Thanh S với bà Huỳnh Thị N, Bà Đặng Thị Thanh H, Đặng

Thanh T,Bà Đặng Thị Kim H1, Đặng T V, Bà Đặng Thị Thanh T là Tranh chấp yêu cầu văn bản thừa kế vô hiệu.

Về nội dung: Căn cứ vào nội dung Văn bản phần chia di sản thừa kế, công văn củaVPĐKĐĐ, lời khai của các bên và tài liệu chứng cứ khác thấy rằng:

Tại Quyết định số 223/QĐ-UBĐL ngày 24/12/1996 của UBND huyện Đức Linh về việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với 1.234 sổ cho 1.234 hộ gia đình, cá nhân có tên kèm theo danh sách tại xã Đức Tài (nay là thị trấn Đức Tài). Trong đó, có hộ ông Đặng Tấn H2 được cấp thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030m, đất thổ cư + vườn tạp và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ có số I 302423 mang tên Đặng Tấn H2, có số vào sổ cấp giấy 02124 cấp ngày 24/12/1996.

Vào ngày 10/02/2005 ông Đặng Tấn H2 chết tại khu phố 6, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận không để lại di chúc, vào thời điểm này theo lời khai của các bên và tài liệu chứng cứ có được thì hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm:

Bà Nguyễn Thị Đ- mẹ ông H2; bà Huỳnh Thị N

Con chung với bà Ý là:

1/ Đặng Thị Thúy M - sinh năm 1978

2/ Đặng Thị Thanh N2 - sinh năm 1980

3/ Đạng Thanh S - sinh nam 1983 (là nguyên đơn)

Con chung với bà N 05 người con chung là:

1/ Đặng Thị Thanh H - Sinh năm 1987

2/ Đặng Thanh T - Sinh năm 1988

3/ Đặng Thị Kim H1 - Sinh năm 1994

4/ Đặng T V - Sinh năm 1996

5/ Đặng Thị Thanh T - Sinh năm 1998

Tuy nhiên tại văn bản phân chia di sản thừa kế được UBND thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019 về việc phân chia Thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1030m2 mục đích sử dụng là đất ODT +CLN, trong đó có 300m2 đất ODT thời hạn sử dụng lâu dài 730 đất CLN thời hạn sử dụng đến tháng 10.2046. Thuộc GCNQSDĐ số I 302423 được UBND huyện Đức Linh cấp ngày 24/12/1996. Thửa đất mang tên ông Đặng Tấn H2. Thành phần chia di sản thừa kế chỉ có: Bà Huỳnh Thị N, Đặng Thị Thanh H, Đặng Thanh T, Đặng Thị Kim H1, Đặng T V, Đặng Thị Thanh T. Và tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2022Bà Huỳnh Thị N, Đặng Thị Thanh H, Đặng Thanh T, Đặng T V, Đặng Thị Thanh T cũng thừa nhận và đề N1 yêu cầu

Tòa án hủy văn bản phân chia di sản được chứng thực số 441 quyển 01-SCT/HĐ, GD, ngày 12/11/2019 tại UBNDTT.Đức Tài.

Như vậy, Văn bản bản phân chia di sản được chứng thực số 441 quyển 01-SCT/HĐ, GD ngày 12/11/2019 tại UBNDTT.Đức Tài đã bỏ sót hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Tấn H2 nên Văn bản phân chia di sản trên vô hiệu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 207, 212, 218, 219, 650, 651 của BLDS năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh S; Tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế được chứng thực số 441 quyển 01-SCT/HĐ, GD, ngày 12/11/2019 tại UBND TT.Đức Tài vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, những lời khai được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Kiểm Sát Viên tại phiên tòa;

[1] Xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông Đặng Thanh S có nội dung: Yêu cầu Tòa án tuyên bố "Văn bản phân chia di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD" là vô hiệu. Nên Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế" là phù hợp theo quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng:Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng) thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại cH X Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình hòa giải tại phiên tòa cũng như các trình tự tố tụng khác thì bà Đặng Thị Kim H1 đã không hợp tác. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, tất cả bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.Điều đó cho thấy bị đơn đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông N1 đã có đơn đề N1 xét xử vắng mặt.Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người này là đúng pháp luật.

[4] Nội dung vụ án

[4.1]Xác định nguồn gốc đất:

Tại công văn số 1267/UBND-NC ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cung cấp thông tin về nguồn gốc đất như sau: Tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 24/12/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.234 sổ cho 1.234 hộ gia đình, cá nhân có tên kèm theo danh sách tại xã Đức Tài (nay là xã Hoài Đức), trong đó hộ ông Đặng Tấn H2 được cấp thửa đất số 333, tờ bản đồ 13, diện tích 1.030 m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Tấn H2. Như vậy, GCNQSDĐ có số I 302423 mang tên Đặng Tấn H2 nói trên chưa xác định rõ chủ thể sử dụng là cá nhân, vợ chồng hay hộ ông Đặng Tấn H2. Nội dung này, Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh đã có Công văn số 3245/UBND-KT ngày 11/12/2023 về việc đính chính đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xác định rõ chủ thể sử dụng đất (trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 302423 mang tên Đặng Tấn H2), hướng dẫn cụ thể: *"…. Trường hợp người sử dụng đất có hồ sơ chứng minh là tài sản riêng của cá nhân hoặc là tài sản chung của vợ chồng thì được đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Trường hợp chủ sử dụng đất không có hồ sơ chứng minh là tài sản riêng của cá nhận hoặc là tài sản chung của vợ chồng thì được đính chính là hộ gia đình*".

Theo lời trình bày của ông S thì ông cho rằng diện tích đất trên được cấp cho hộ gia đình ông, gồm có bà Đ, ông H2 và ông. Theo lời khai của bà N thì diện tích đất trên có nguồn gốc từ việc bà và ông H2 mua của ông Nguyễn Mười là con của bà Kính và sau này bà là người đi đăng ký cấp GCNQSDĐ.

Hội đồng xét xử thấy rằng các bên chưa đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh những lời khai của mình là đúng và có căn cứ.Do đó chưa thể xác định được đây là tài sản chung của hộ gồm những thành viên nào trong hộ hay là tài sản riêng của ông H2. Ngoài ra trong vụ án này Tòa án không phân chia tài sản, nên không cần phải xác minh, điều tra làm rõ là tài sản chung của hộ gồm những người nào hay là tài sản của cá nhân ông H2. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4.2] Xác định những người được thừa kế tài sản:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ là giấy khai sinh, giấy chứng tử của ông Đặng Tấn H2, bà Nguyễn Thị Đ thì có cơ sở xác định:

Ông Đặng Tấn H2, sinh năm: 1950 và bà Mai Thị Ý, sinh năm: 1955 trước đây là vợ chồng, có với nhau 03 người con chung là Đặng Thị Thúy M, sinh năm 1978, Đặng Thị Thanh N2, sinh năm 1980 và Đặng Thanh S, sinh năm 1983. Năm 1985 ông H2 và bà Ý ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01/QĐ-LH

ngày 14/10/1985 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Khoảng năm 1987, ông Đặng Tấn H2 và bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và có 05 người con chung: Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1987, Đặng Thanh T, sinh năm 1988, Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1994, Đặng Tấn V, sinh năm 1996và Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1998.Năm 2005, ông Đặng Tấn H2 chết. Ngoài ra, ông H2 không còn con riêng nào khác.

Ông Đặng Tấn H2 chết vào ngày 10/02/2005. Cha ruột ông Đặng Tấn H2 đã chết trước ông H2. Mẹ ruột ông Đặng Tấn H2 là bà Nguyễn Thị Đ chết vào ngày 23/02/2014.

Bà N khai rằng bà chung sống với ông H2 như vợ chồng vào khoảng năm 1987,tuy nhiên không chính xác thời điểm chung sống với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày tháng năm sinh của người con đầu là Đặng Thị Thanh H sinh ngày 20 tháng 02 năm 1987. Như vậy có thể thấy rằng lời khai của bà N chưa chính xácmà ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1986. Do đó, có thể thấy rằng mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế của ông bà.

Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của BLDS năm 2015, thì những người thừa kế tài sản của ông H2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm:bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1915 (mẹ ông H2, chết năm 2014), bà Huỳnh Thị N (vợ ông H2); 03 người con riêng của ông H2 gồm: bà Đặng Thị Thúy M, sinh năm: 1978, bà Đặng Thị Thanh N2, sinh năm: 1980,ông Đặng Thanh S, sinh năm: 1983; 05 người con chung của ông H2 và bà N gồm:bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1987, ông Đặng Thanh T, sinh năm: 1988, bà Đặng Thị Kim H1, sinh năm: 1994, ông Đặng Tấn V, sinh năm: 1996và bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm: 1998.

[4.3]Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh S về việc yêu cầu tuyên bố "Văn bản phân chia di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD" là vô hiệu và hủy cập nhật biến động tại T1 4 của GCNQSDĐ đối với bà H1:

Về hình thức của văn bảnphân chia di sản thừa kế: Ngày 12/11/2019, bà Huỳnh Thị N, Đặng Thị Thanh H, Đặng Thanh T, Đặng Thị Kim H1, Đặng Tấn V và Đặng Thị Thanh T cùng thỏa thuận và ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 được Chủ tich UBND chứng thực ngày 12/11/2019. Ngày 07/01/2020, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh cập nhật biến động T1 4 cho bà Đặng Thị Kim H1.Hình thức của văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đúng theo quy định tại Điều 52 N1 Định số 75/200/NĐ-CP ngày 08/12/2000.

Về nội dung của văn bản phân chia di sản thừa kế: Văn bản phân chia di sản thừa kế đã bỏ sót người thừa kế của ông Đặng Tấn H2 làbà Nguyễn Thị Đ, Đặng Thị Thúy M, Đặng Thị Thanh N2, Đặng Thanh S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họlà vi phạm quy định tại Điều 117, Điều 122, Điều 650 và khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xửchấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S, tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài (được Chủ tich UBND chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD)vô hiệu là có căn cứ.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 302423, thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp cho ông Đặng Tấn H2, đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh cập nhật biến động T1 tư cho bà Đặng Thị Kim H1 vào ngày 07/01/2020 thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh sẽ căn cứ vào Bản án để xóa bỏ điều chỉnh đăng ký biến động đã đăng ký tại T1 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 cấp cho "Đặng Tấn H2", được điều chỉnh tại T1 4, ngày 07/10/2020 mang tên Đặng Thị Kim H1

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Tại phiên tòa nguyên đơn đề N1 Hội đồng xét xử dùng số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà trước đây ông đã nộp tạm ứng án phí DSST để Tòa án thụ lý vụ án. Nay ông tự nguyện dùng số tiền tạm ứng án phí này để nộp thaynghĩa vụ nộp án phí DSST cho bị đơn, số tiền trên không cần phải trả lại cho ông.

Hội đồng xét xử thấy rằng đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, nhằm mục đích đóng thay nghĩa vụ án phí DSTT cho bị đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này, chuyển từ tiền đã nộp tạm ứng án phí của nguyên đơn sang đóng án phí DSST cho bị đơn.

[6] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử N1 án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án.Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;Điều 91, 92, 147; Điều 264; Điều 266, Điều 267; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 122,131,650 và khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

-N1 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh S.

1.Tuyên bố:"Văn bản phân chia di sản thừa kế, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài chứng thực ngày 12/11/2019, số chứng thực 441, quyển số 01-SCT/HĐ-GD" là vô hiệu.

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết, xóa điều chỉnh đăng ký biến động đã đăng ký tại T1 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số I 302423 đối với thửa đất số 333, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.030 m^2 cấp cho "Đặng Tấn H2", được UBND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 24/12/1996, đã được điều chỉnh biến động tại T1 4 ngày 07/10/2020 mang tên Đặng Thị Kim H1

2.Về án phí DSST**:**

Bà Huỳnh Thị N, bà Đặng Thị Thanh H, ông Đặng Thanh T, bà Đặng Thị Kim H1, ông Đặng Tấn V, bà Đặng Thị Thanh T phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Đặng Thanh Sđã dùng số số tiền 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012553 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng thi hành án dân sự số 17-Lâm Đồng) để nộp thay nghĩa vụ án phí DSST cho bị đơn. Vì vậy bị đơn (N, T, H, H1, V, T) đã nộp đủ tiền án phí DSST.

3.Về quyền kháng cáo:

Báo cho: ông Đăng Thanh S, bà Đặng Thị Thúy M, bà Đặng Thị Thanh N2

có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày (ngày 19/9/2025); Báo cho bị đơn và ông Nguyễn Minh N1 có quyền kháng cáo bản án này, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yến công khai để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4.Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 17

- Thi hành án DS tỉnh Lâm Đồng

- Các đương sự.

-Lưu hồ sơ, quyết định./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Thuận